

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BẮC TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 283/2024/HSST
Ngày 18 tháng 11 năm 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Quỳnh Chi**;

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Anh Vân**

Bà **Nguyễn Thị Thắng**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Doãn Khắc Huy Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2024, Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 276/2024/HSST ngày 23 tháng 10 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn T**, sinh năm 1992;

Giới tính: Nam;

Nơi thường trú và cư trú: Tổ dân phố TX, thị trấn HN, huyện HH, tỉnh TB;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 06/12;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Con ông: Trần Trung T, sinh năm 1958;

Con bà: Đào Thị L, sinh năm 1965;

Vợ : Đoàn Thị H

Có 03 con . Lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2021

Danh bản và chỉ bản số: 00000343, lập ngày: 24/6/2024, tại: Công an quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- **Tiền án, tiền sự:** Không.

Bị khởi tố tại ngoại và hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị hại: Công ty cổ phần xây dựng thương mại X;

Địa chỉ: Số A ngõ B đường C, phường H, quận T, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đỗ Văn V** – Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lại Quang B**, sinh năm: 1982;

Nơi thường trú: Tổ AB, thị trấn VT, huyện VT, tỉnh TB;

Nơi cư trú: Số F, ngách E phố D, phường B, quận L, thành phố Hà Nội.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22/6/2023, anh Lại Quang B (Sinh năm: 1982; Nơi thường trú: Tổ AB, thị trấn VT, huyện VT, tỉnh TB) đến Công an quận Bắc Từ Liêm tố giác Trần Văn T lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt 01 chiếc máy đào bánh xích nhãn hiệu DOOSAN DX55MTACE và 01 chiếc búa 55.

Vật chứng thu giữ của anh Lại Quang B: 01 hợp đồng thuê máy xúc đề ngày 01/9/2020 và 01 biên bản nhận máy đề ngày 22/8/2022.

* Tại bản kết luận định giá số 231 ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng quận Bắc Từ Liêm kết luận:

- 01 máy đào bánh xích, nhãn hiệu DOOSAN DX55MTACE, số khung DX55MTACE5414, số máy K0283 (sản xuất năm 2012, đã qua sử dụng, không thu giữ được, có hóa đơn mua hàng và có tài sản tương tự kèm theo) có trị giá là 200.000.0000 đồng.

- 01 búa 55 (sản xuất năm 2012, đã qua sử dụng, không thu giữ được, có hóa đơn mua hàng và có tài sản tương tự kèm theo) có giá trị là 17.000.000 đồng.

* Tại bản kết luận giám định số 4995 ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Trần Văn T trên Hợp đồng thuê máy xúc ngày 01/9/2020 gồm 02 trang (ký hiệu A1) và Biên bản giao nhận máy ngày 22/8/2022 (ký hiệu A2) so với chữ ký, chữ viết của Trần Văn T trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký và viết ra.

Quá trình điều tra xác định:

Năm 2020, anh Lại Quang B và anh Nguyễn Trọng H (Sinh năm: 1984; Nơi thường trú: Số G, tổ H, VT, HBT, Hà Nội) là bạn học cũ, anh B nói chuyện với H về việc anh B có nhu cầu cho thuê lại 01 máy đào bánh xích nhãn hiệu DOOSAN DX55MTACE, số khung: 5414, số máy: K0283 và dụng cụ kèm theo là búa 55 của Công ty Cổ phần xây dựng Thương mại X do anh B làm Phó giám đốc. Sau đó, anh H giới thiệu Trần Văn T là em họ của anh H đến gặp anh B để thỏa thuận về việc thuê chiếc máy đào bánh xích trên. Anh B đã đồng ý cho T thuê với giá thuê là 20.000.000 đồng, không quy định rõ về thời gian thuê là bao lâu, thuê tháng nào trả tiền tháng đó. Khoảng đầu tháng 9/2020, T đến khu vực trạm bơm C, phường C, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội để lấy chiếc máy đào bánh xích và búa 55 trên. T đã thuê được 4 tháng và trả đủ tiền thuê cho anh B. Sau đó, T không trả tiền thuê, anh B đòi lại máy nhưng T chưa trả lại nên anh B đã yêu cầu T ký vào hợp đồng thuê máy xúc đề ngày 01/9/2020 và T đã viết biên bản nhận máy đề ngày 22/8/2022. Trong quá trình thuê máy đào bánh xích và búa 55,

T đã tự ý mang chiếc máy đào bánh xích trên gán nợ cho anh Trần Văn T (Sinh năm: 1981; Nơi thường trú: Khu phố ĐH, CK, TS, BN) để trả nợ số tiền mà T đã vay của anh T. Khi T mang chiếc máy đào bánh xích trên đi gán nợ, T không thông báo và cũng không được sự đồng ý của anh B. Sau đó, anh T đã đem bán chiếc máy đào bánh xích trên cho một người không quen biết. Đối với chiếc búa 55, T mang gửi tại bãi xe của anh Trần Ngọc Đ (Sinh năm: 1984; Nơi thường trú: Thôn QB, VĐ, TT, HN) và cũng không thông báo cho anh B biết. Do T nợ anh Đ tiền nên đã đồng ý cho anh Đ bán chiếc búa để trừ nợ, anh Đ đã bán chiếc búa 55 này cho người không quen biết. Hiện chưa thu giữ được chiếc máy đào bánh xích và búa 55 trên.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Văn T khai: Việc mang chiếc máy đào bánh xích trên đi gán nợ cho anh T, là do anh H vay T số tiền 250.000.000 đồng, số tiền này là T vay của anh T để cho H vay. Anh H nói chiếc máy đào bánh xích trên đã mua lại của anh B, do anh H không trả số tiền vay nên T đã tự ý mang chiếc máy đào bánh xích trên đi gán nợ để trừ vào số tiền anh H đã vay T. Anh H khai chỉ giới thiệu cho T đến thuê máy của anh B, không vay nợ hay liên quan gì đối với T về chiếc máy đào bánh xích trên. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho T và anh H đối chất các bên vẫn giữ nguyên lời khai. Bản thân T và anh H không đưa ra được tài liệu, chứng cứ, chứng minh về việc này.

Đối với việc T mang chiếc búa 55 trên gửi tại bãi xe của anh Đ, T khai: Do công việc nên T đã mang chiếc búa 55 trên đến gửi tại bãi xe của anh Đ. Sau đó T có đòi lại nhưng anh Đ không trả lại mà tự ý mang bán chiếc búa 55. Anh Đ khai là T có gửi một chiếc búa phụ kiện của máy đào bánh xích tại bãi xe của anh Đ, nhưng do T nợ tiền của anh Đ nên T đã đồng ý để anh Đ bán chiếc búa phụ kiện này để trừ nợ. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho T và anh Đ đối chất nhưng các bên vẫn giữ nguyên lời khai. Bản thân T và anh Đ không đưa ra được tài liệu, chứng cứ, chứng minh về việc này.

Như vậy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ đủ căn cứ xác định Trần Văn T có hành vi thuê tài sản của anh Lại Quang B sau đó tự ý gán nợ cho người khác không được sự cho phép của anh B dẫn đến không thu giữ được tài sản. Trần Văn T đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là chiếc máy đào bánh xích và búa 55 của anh Lại Quang B, với tổng giá trị là 217.000.000 đồng.

Đối với anh Trần Văn T và Trần Ngọc Đ, khi bán máy đào bánh xích và búa 55, không biết là tài sản do T thuê của anh B mà có, nên không có căn cứ xử lý.

Về dân sự: Trần Văn T đã đền bù thiệt hại cho anh Lại Quang B số tiền 500.000.000 đồng. Anh B không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin rút đơn tố giác đối với T.

Tại bản cáo trạng số: 274/CT-VKSBLT ngày 22/10/2024 Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm quyết định truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, theo khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo Trần Văn T thành khẩn khai báo các tình tiết vụ án, thừa nhận bản cáo trạng truy tố là đúng.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo:

Khẳng định cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội danh, khung hình phạt và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, theo khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo: Trần Văn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng khoản 3 Điều 175, Điểm b, s Khoản 1,2 Điều 51, Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo: Trần Văn T mức án 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Hạn thử thách 60 (Sáu mươi) tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về dân sự: Bị hại đã được bồi thường thiệt hại và không có yêu cầu gì khác về dân sự nên không xem xét.

Lời nói sau cùng của bị cáo bày tỏ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, mong muốn được Tòa án xét giảm ở mức độ nhẹ nhất.

Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của bị cáo và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tội danh và khung hình phạt Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo:

Tại phiên toà, bị cáo khai nhận toàn bộ, rõ ràng về các hành vi đúng như nội dung bản cáo trạng mô tả. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai chính của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ được cơ quan điều tra thu thập hợp pháp. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng tháng 9/2020, Trần Văn T đến khu vực trạm bơm C, phường C, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội để thuê 01 chiếc máy đào bánh xích nhãn hiệu DOOSAN DX55MTACE và 01 chiếc búa 55 trị giá 217.000.000 đồng của Công ty cổ phần xây dựng thương mại X và trả tiền thuê được 04 tháng. Sau đó, T đã tự ý mang chiếc máy đào bánh xích và búa trên gắn nợ cho anh Trần Văn T và anh Trần Ngọc Đ. Sau đó, anh T và anh Đ đã bán cho người không quen biết nên không thu hồi được. Trần Văn T đã bồi thường cho Công ty cổ phần xây dựng thương mại X số tiền 500.000.000 đồng và Công ty cổ phần xây dựng thương mại X không có ý kiến gì.

Như vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt áp dụng đối với bị cáo được quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

Do đó, bản cáo trạng số: 274/CT-VKSBTL ngày 22/10/2024 Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm quyết định truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, theo khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được luật hình sự bảo vệ. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi nên bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần xét xử các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân người phạm tội:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo thể hiện thái độ ăn năn, hối cải về hành vi vi phạm pháp luật, bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo lần đầu phạm tội, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, trước đây bị cáo từng phục vụ trong quân đội và đã xuất ngũ vào ngày 17/12/2013 theo Quyết định xuất ngũ số 5547/QĐ-LQ, bố và bà ngoại bị cáo là người có công với cách mạng, bà ngoại bị cáo được trao tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì. Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn đã được xác nhận của UBND thị trấn HN, HH, TB.

Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015

[5]. Về hình phạt:

Đánh giá tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi bị cáo thực hiện, nguyên nhân, mục đích, động cơ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy :

Với các tình tiết giảm nhẹ nêu trên cần áp dụng điều 54 – BLHS cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức án thấp nhất của khung hình phạt, cũng xét bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội , không ảnh hưởng tới An ninh trật tự, an toàn xã hội nên không cần thiết buộc bị cáo Trần Văn T phải chấp hành hình phạt tù.

Áp dụng điều 65 – BLHS xử phạt bị cáo Trần Văn T một mức án tương xứng hành vi phạm tội của bị cáo, giao bị cáo cho gia đình và chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe và giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Mức hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung là hình phạt tiền: Xét bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về dân sự: Bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật. Bị hại có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo: Trần Văn T phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng: Khoản 3 Điều 175, Điểm b, s Khoản 1,2 Điều 51, Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo **Trần Văn T: 36 (Ba mươi sáu)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Hạn thử thách **60 (Sáu mươi)** tháng tính từ ngày Tòa tuyên án.

Giao bị cáo về UBND thị trấn HN – HH – TB quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách

2. Áp dụng:

Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;
Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2.1. Về án phí:

Buộc bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

2.2. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án.

Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TT lý lịch-Sở Tư pháp Hà Nội;
- VKSND Q. Bắc Từ Liêm;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an Q. Bắc Từ Liêm;
- Chi cục THADS Q. Bắc Từ Liêm;
- Lưu HS – VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Quỳnh Chi